

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: (PROGRAMME):	CỬ NHÂN KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (BACHELOR OF NATURAL RESOURCES ECONOMICS)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO: (MAJOR):	KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (ECONOMICS OF NATURAL RESOURCES)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	52110107
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế tài nguyên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý tài nguyên thiên nhiên; có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng tự học tập để bổ sung và hoàn thiện kiến thức đáp ứng đòi hỏi của công việc chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* Đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên từ trung ương đến địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, các trường đại học.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức:

Cử nhân đại học ngành Kinh tế tài nguyên được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế tài nguyên, quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; kiến thức về thị trường và định giá tài nguyên trong nền kinh tế thị trường và trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và biến đổi khí hậu

2.2. Kỹ năng:

Có kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm để vận dụng thành thạo kiến thức vào việc hoạch định và phân tích chính sách tài nguyên thiên nhiên; lập và quản lý dự án khai thác và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng và bảo tồn nguồn tài nguyên; xác định giá trị tài nguyên thiên nhiên; giám sát, đánh giá tác động môi trường của các chương trình, dự án về tài nguyên thiên nhiên.

2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

Có ý thức chấp hành pháp luật; có tư cách đạo đức nghề nghiệp; có ý thức tổ chức kỷ luật lao động; có tinh thần hợp tác, tự học hỏi và học tập không ngừng để nâng cao trình độ.

2.4. Về ngoại ngữ và tin học

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 5.5 (được ban hành và công bố theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

- Chuẩn đầu ra tin học tương đương IC3 (Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) (được ban hành và công bố theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học

Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	43	
1.1. Các học phần chung	19	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của ngành	12	Khoa tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2. Kiến thức ngành	44	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	29	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP&AN và GDTC